| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Linh Phi.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.
2. Ông Lê Văn Lài.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 4, ấp NBS, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

**2. Bị đơn:** Anh Lê Văn K, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 4, ấp NBS, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Chị N vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Anh K vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh K chung sống với nhau năm 1994 không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2004 phát sinh mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế, anh K không chăm lo cho gia đình. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị N yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Hương T, sinh năm 1996 và Lê Thanh N, sinh năm 2003, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Chị trình bày không có.

*Bị đơn anh Lê Văn K không có lời trình bày.*

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh K; Về nuôi con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết; tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có; chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K được triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K và chị N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn nhưng từ khi bắt đầu chung sống đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chung sống giữa anh, chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, chị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh K Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh K.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh K có hai con chung tên Lê Thị Hương T, sinh năm 1996 và Lê Thanh N, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị N sự xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn K.

2. Về nuôi con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phỉ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006551 ngày 09-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Linh Phi**